TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/KDTM - ST
Ngày: 23/10/2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Trần Thị Kim Cúc**
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Phạm Hồng Quang**
2. Ông **Nguyễn Công Chi**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thị Kim Ánh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng*** *tham gia phiên tòa*: Ông **Võ Quang Tiến -** Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST-KDTM ngày 08/6/2018 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST- KDTM ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Sản xuất thép V.**

Địa chỉ: Khu công nghiệp H, phường H, quận L, thành phố Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bảo G . Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Công X – Sinh năm: 1974. Chức vụ: Tổng giám đốc (Theo giấy ủy quyền số 650/GUQ.17 VAS ngày 01/11/2017). Có mặt.

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần Tập đoàn N.**

Địa chỉ: Số 156 đường G, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn H - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 26/4/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sản xuất thép V ông Lê Công X trình bày:

Công ty Cổ phần Sản xuất thép V và Công ty Cổ phần Tập đoàn N ký hợp đồng nguyên tắc số: 32/2013/VAS-NH ngày 05/09/2013 về việc mua bán hàng hóa là sắt thép xây dựng các loại do Công ty Cổ phần Sản xuất thép V sản xuất. Về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận, giá cả, phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán hai bên đã thống nhất theo hợp đồng. Tại phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/VAS-NH ngày 05/09/2013 hai bên đã thống nhất cụ thể về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận, giá cả, bảo quản hàng hóa, phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.

Thực hiện hợp đồng và phụ lục hợp đồng nêu trên, theo yêu cầu của bên mua, từ ngày 11/9/2013 đến ngày 11/6/2014 Công ty Cổ phần Sản xuất thép V đã thực hiện việc giao hàng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn N lượng hàng có tổng giá trị: **885.203.873 đồng** *(Tám trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm lẻ ba ngàn, tám trăm bảy ba đồng)*. Về phần trách nhiệm, Công ty Cổ phần Sản xuất thép V đã thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày 29/02/2016 Công ty Cổ phần Tập đoàn N chỉ thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép V số tiền 389.455.533 đồng, số tiền còn lại 495.748.350 đồng Công ty Cổ phần Tập đoàn N không thanh toán. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/02/2016 Công ty Cổ phần Tập đoàn N xác nhận còn nợ Công ty Cổ phần Sản xuất thép V số tiền 495.748.350 đồng.

Cộng ty Cổ phần Sản xuất thép V đã nhiều lần có văn bản yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn N thanh toán số tiền trên nhưng đến nay Công ty Cổ phần Tập đoàn N vẫn không thanh toán. Việc chậm thanh toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn N đã vi phạm điều khoản của hợp đồng mà hai bên đã ký kết và gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sản xuất thép V. Do việc chậm thanh toán nên ngoài khoản nợ nêu trên, Công ty Cổ phần Sản xuất thép V yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn N phải trả lãi vay chậm trả, cụ thể như sau:

- Lãi chậm thanh toán tiền hàng có xác nhận: Ngày tính lãi từ 09/11/2013 đến ngày 30/06/2015 đối với số tiền gốc 495.748.350 đồng với lãi suất 8%/ năm là 55.805.899 đồng, cụ thể như sau:

+ Số tiền: 66.786.825 đồng. Thời gian tính lãi: 09/11/2013 đến 30/6/2015 là: 66.786.825 đồng x 599 ngày x 8% = 8.890.068 đồng.

+ Số tiền: 339.816.125 đồng. Thời gian tính lãi: 30/01/2014 đến 30/6/2015 là: 339.816.125 đồng x 517 ngày x 8% = 39.041.097 đồng.

+ Số tiền: 54.600.920 đồng. Thời gian tính lãi: 25/3/2014 đến 30/6/2015 là: 54.600.920 đồng x 463 ngày x 8% = 5.617.828 đồng.

+ Số tiền: 34.544.480 đồng. Thời gian tính lãi: 10/9/2014 đến 30/6/2015 là: 34.544.480 đồng x 294 ngày x 8% = 2.256.906 đồng.

Tổng cộng tiền lãi từ tính từ ngày 09/11/2013 đến 30/06/2015 là: **55.805.899 đồng.**

- Lãi chậm thanh toán tiền hàng chưa xác nhận: Ngày tính lãi từ 01/07/2015 đến 24/8/2018 đối với số tiền gốc 495.748.350 đồng với lãi suất 9%/ năm là 142.651.588 đồng, cụ thể như sau:

+ Số tiền 495.748.350 đồng x 1.151 ngày x 9% = **142.651.588 đồng**.

- Lãi chậm thanh toán tiền hàng chưa xác nhận từ 25/08/2018 đến 23/10/2018 đối với số tiền gốc 495.748.350 đồng với lãi suất 9%/năm là 7.436.225 đồng, cụ thể như sau:

+ Số tiền 495.748.350 đồng x 60 ngày x 9% = **7.436.225 đồng.**

Tổng cộng tiền lãi chậm thanh toán tiền hàng từ ngày 09/11/2013 đến ngày 23/10/2018 là **205.893.712 đồng** *(Hai trăm lẻ năm triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm mười hai đồng).*

Để đảm bảo quyền lợi của mình và theo quy định của pháp luật, Công ty Cổ phần Sản xuất thép V yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn N trả cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép V số tiền: **701.642.062 đồng** *(Bảy trăm lẻ một triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi hai đồng)*. Trong đó tiền gốc: 495.748.350 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 09/11/2013 đến ngày 23/10/2018 là 205.893.712 đồng.

* Bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của Công ty Cổ phần Tập đoàn N trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS.

Đại diện nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS. Đại diện bị đơn đã không tham gia quá trình tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, bị đơn là chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Công ty Cổ phần Tập đoàn N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, việc Công ty Cổ phần Sản xuất thép V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn N phải trả số tiền nợ còn lại là 495.748.350 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 09/11/2013 đến ngày 23/10/2018 là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Sản xuất thép V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục:**

- Đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần Sản xuất thép V nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

- Công ty Cổ phần Tập đoàn N là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung vụ án:**

Theo đại diện nguyên đơn Công ty Cổ phần Sản xuất thép V trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc số 32/2013/VAS-NH và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/VAS-NH ngày 05/9/2013 thì Công ty Cổ phần Sản xuất thép V đồng ý bán và Công ty Cổ phần Tập đoàn N đồng ý mua hàng hóa là thép cuộn tròn và thép vằn. Thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần Sản xuất thép V đã giao hàng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn N có tổng giá trị là: **885.203.873 đồng** theo đúng quy định của hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, tính đến ngày 29/02/2016 Công ty Cổ phần Tập đoàn N chỉ thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép V số tiền 389.455.533 đồng, số tiền còn lại 495.748.350 đồng Công ty Cổ phần Tập đoàn N không thanh toán. Nay Công ty Cổ phần Sản xuất thép V yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn N trả cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép V số tiền **701.642.062 đồng** *(Bảy trăm lẻ một triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, không*

trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó tiền gốc: 495.748.350 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 09/11/2013 đến ngày 23/10/2018 là 205.893.712 đồng.

Xét nội dung tranh chấp trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Công ty Cổ phần Sản xuất thép V đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình là giao hàng hóa, số lượng, phương thức giao nhận đúng theo yêu cầu từng lần đặt hàng của Công ty Cổ phần Tập đoàn N. Tuy nhiên, phía Công ty ty cổ phần tập đoàn N không thực hiện thanh toán như đã thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng và thời hạn thanh toán theo mục 3.3 Điều 3 Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/VAS - NH ngày 05/9/2013 và Điều 50 Luật Thương mại 2005, việc vi phạm này đã làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Sản xuất thép V. Do đó, Công ty Cổ phần Sản xuất thép V yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 495.748.350 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 29/02/2016 là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] **Về lãi suất**: Do Công ty Cổ phần Tập đoàn N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên việc Công ty Cổ phần Sản xuất thép V yêu cầu tính lãi chậm thanh toán kể từ ngày 09/11/2013 đến ngày 23/10/2018 với số tiền **205.893.712 đồng** *(Hai trăm lẻ năm triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm mười hai đồng)*.

HĐXX xét thấy: Căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại, trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, nhưng Công ty Cổ phần Sản xuất thép V chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là là 8%/năm và 9%/năm là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm cụ thể: căn cứ vào mức lãi suất của liên Ngân hàng là: (15.75% + 15,75% + 15,75% = 47,25% : 3 = 15.75%, HĐXX thấy phù hợp nên chấp nhận.

Do đó chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Sản xuất thép V buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn N thanh toán số tiền **701.642.062 đồng** *(Bảy trăm lẻ một triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi hai đồng)*. Trong đó tiền gốc: 495.748.350 đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 09/11/2013 đến ngày 23/10/2018 là 205.893.712 đồng.

[4] **Về án phí:**

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền 701.642.062 đồng, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh, thương mại là:

{701.642.062 đồng} = [20.000.000 đồng + (4% x 301.642.062 đồng)] = 32.065.682 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 290 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" của Công ty Cổ phần Sản xuất thép V đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn N.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn N phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép V số tiền **701.642.062 đồng** *(Bảy trăm lẻ một triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi hai đồng)*. Trong đó tiền gốc: 495.748.350 đồng, tiền lãi: 205.893.712 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và kể từ ngày Công ty Cổ phần Sản xuất thép V có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty Cổ phần Tập đoàn N không thi hành thì Công ty Cổ phần Tập đoàn N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí KDTM - ST:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn N phải chịu: 32.065.682 đồng (*Ba mươi hai triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm tám mươi hai đồng).*
- Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép V số tiền 15.117.737 đồng *(Mười lăm triệu, một trăm mười bảy nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng))* theo biên lai thu số 0003274 ngày 04/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. **Quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Sản xuất thép V có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Cúc